

Bản án số: 20/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 28/5/2019

Về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Bà Phạm Thị Hoi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2019/TLST - HNGĐ ngày 23/4/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt; anh R có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn R trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường X, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 14/4/2008. Sau ngày cưới cả vợ chồng thuê nhà ở và lao động tự do tại phường X, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế do làm ăn khó khăn, nên năm 2013 vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ chị ở thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương chị làm công ty còn anh R lái xe.

Vợ chồng hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh R không có trách nhiệm tới gia đình, anh R làm nghề lái xe đường dài thường xuyên vắng nhà khi về anh R lạnh nhạt, tuy sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh R.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn R có một con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2007. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Văn H và tự nguyện không yêu cầu anh R phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Văn R là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị H trình bày. Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, thực tế anh chị đã sống ly thân, chị H xin ly hôn với anh, anh xác định không thể tiếp tục chung sống được với chị H nên nhất trí ly hôn với chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Nguyên vọng của con Nguyễn Văn H muốn được ở với chị H, chị H muốn được nuôi con, anh đồng ý để cho chị H được nuôi con, chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con anh nhất trí.

Về quan hệ tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của con Nguyễn Văn H: Có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ (chị H) nếu bố mẹ ly hôn.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương xác nhận: Anh R và chị H hạnh phúc thời gian ngắn, sau xảy ra mâu thuẫn do anh R sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xô xát cãi chửi nhau. Nay chị H xin ly hôn với anh R, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật; vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2007 đề nghị giao cho chị H được nuôi con.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn R và đề nghị nuôi con Nguyễn Văn H và tự nguyện không yêu cầu anh R phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa đúng quyền

và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn R; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con là Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2007 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H anh R không phải cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, anh R có đơn đề nghị xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn R đã được triệu tập họp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa, anh R có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn R.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn R kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 14/4/2008. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh R là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống giữa chị H và anh R đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau, anh R sống không có trách nhiệm tới vợ con, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị H, anh R đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh R thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn R.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn R có một con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2007.

Hội đồng xét xử thấy: Chị H đề nghị nuôi con Nguyễn Văn H và không yêu cầu anh R phải cấp dưỡng cho con, anh R đồng ý để chị H được nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần xử cho chị H được nuôi con là Nguyễn Văn H. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H anh R không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh R không yêu cầu nên không phải đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/4/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Chấp nhận sự tự nguyện của chị H anh R không phải cấp dưỡng cho con.

Anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005101 ngày 23/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự
- UBND xã P, huyện Tứ Kỳ;
- UBND phường X, TP Huế;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự
- UBND xã Cộng Lạc;
- UBND xã Văn Tô;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tú